



Xuất bản bởi  
**giz** Deutsche Gesellschaft  
für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



# HỒ SƠ KHU VỰC Vườn quốc gia Cát Tiên

Quản lý, quản trị và tài chính



## ÁN PHẨM

### Công bố bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

### Văn phòng

Bonn and Eschborn, Germany  
Chương trình Bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học và  
các dịch vụ hệ sinh thái rừng tại Việt Nam  
Tháng 12 năm 2021

### Phối hợp với

Ban Lâm nghiệp và sử dụng đất của UNIQUE

### Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Các kết quả, phân tích và giải thích trong tài liệu này được trình bày dựa trên thông tin thu thập bởi GIZ, các tư vấn và đối tác. Tuy nhiên, GIZ không đảm bảo tính chính xác hoặc độ hoàn thiện của thông tin và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào của các cá nhân và tổ chức khác khi sử dụng tài liệu này.

### Thay mặt cho

Bộ Hợp tác và Phát triển kinh tế Liên bang Đức (BMZ)

### Ảnh

©GIZ / Binh Dang

## MỤC LỤC

### Phần I: Quản lý và quản trị

Lịch sử và phát triển.....	5
Dân số và vấn đề sử dụng đất.....	7
Bảo tồn và sử dụng bền vững.....	8
Ban Quản lý và các bên liên quan.....	11
Khó khăn trong công tác bảo tồn và phương hướng.....	14

### Phần II: Tài chính

Phương pháp luận.....	16
Tóm tắt phân tự đánh giá về tài trợ cho VQG.....	18
Hiện trạng và xu hướng tài trợ.....	20
Những hạn chế và điều kiện thuận lợi cho tài chính bền vững.....	22
Các cơ hội tài chính quan trọng.....	22
Tài trợ cho đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên ở vùng đệm.....	23
Kết luận về xây dựng chiến lược tài chính bền vững.....	24

Tài liệu tham khảo.....	26
-------------------------	----

# Phần I: Quản lý và quản trị

## Lịch sử và phát triển

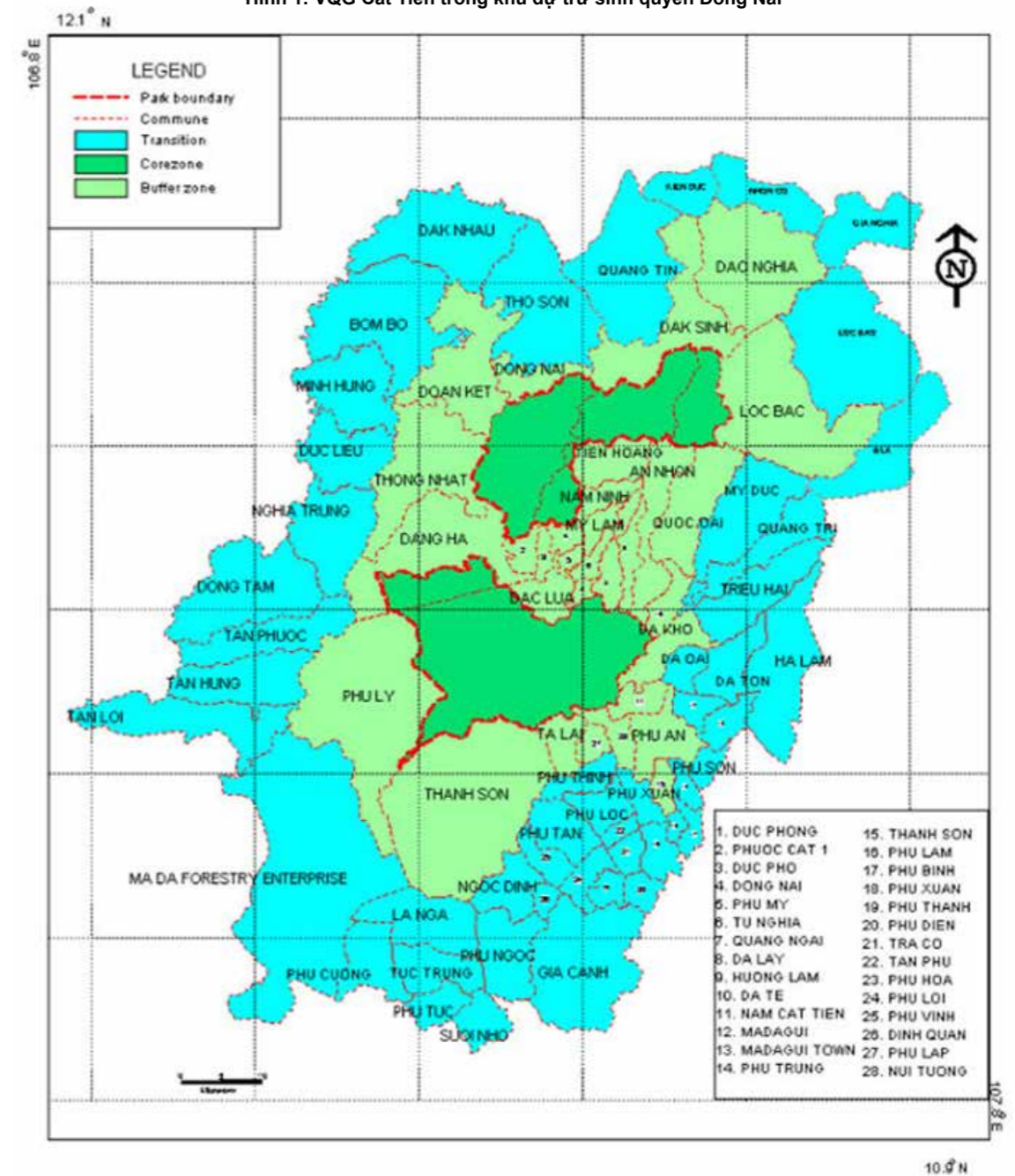
VQG Cát Tiên nằm ở khu vực phía đông nam của Việt Nam, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 150 km về phía bắc. VQG là một phần của Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai. Cát Tiên là VQG lớn thứ năm của Việt Nam, có diện tích hiện nay là 71.187,9 ha. Diện tích dự kiến sau khi mở rộng là 82.597 ha<sup>1</sup>. Khu dự trữ sinh quyển có diện tích 969.781 ha. VQG Cát Tiên cũng được kết nối với Khu bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

VQG có nhiều hệ sinh thái khác nhau, bao gồm rừng kín thường xanh, rừng bán thường xanh và rừng hỗn giao gỗ tre, tre gỗ và vùng đất ngập nước. Những khu rừng này và vùng đất ngập nước Bàu Sấu là nơi trú ngụ của nhiều loài động thực vật, bao gồm cả những loài bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng. VQG Cát Tiên cũng bảo vệ di sản văn hóa phong phú của người S'Tiêng, Châu Mạ và Chơ Ro, và là nơi có các di tích lịch sử.

### Các từ viết tắt được sử dụng thường xuyên

UBND xã	Ủy ban Nhân dân xã
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
Chi CKL	Chi cục Kiểm lâm
VQG	Vườn Quốc gia
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ KH&CN	Bộ Khoa học và Công nghệ
Chi trả dịch vụ HST rừng	Chi trả Dịch vụ Hệ sinh thái rừng
UBND tỉnh	Ủy ban Nhân dân tỉnh
TCLNVN	Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam

Hình 1: VQG Cát Tiên trong khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai



<sup>1</sup> Bao gồm vùng lõi 212.700ha, vùng đệm 306.350ha và vùng chuyển tiếp 450.710ha trong Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai. Khu Bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai chiếm 140.790ha. (Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, 2011)

Khu rừng cấm Nam Bãi Cát Tiên được thành lập vào năm 1978 với tổng diện tích 31.000 ha nằm trên địa bàn huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Ban Quản lý Khu rừng cấm Nam Cát Tiên được thành lập năm 1986, tiếp nhận trách nhiệm quản lý rừng từ Sư đoàn 600. Khu vực được bảo vệ được công nhận là VQG vào năm 1992.

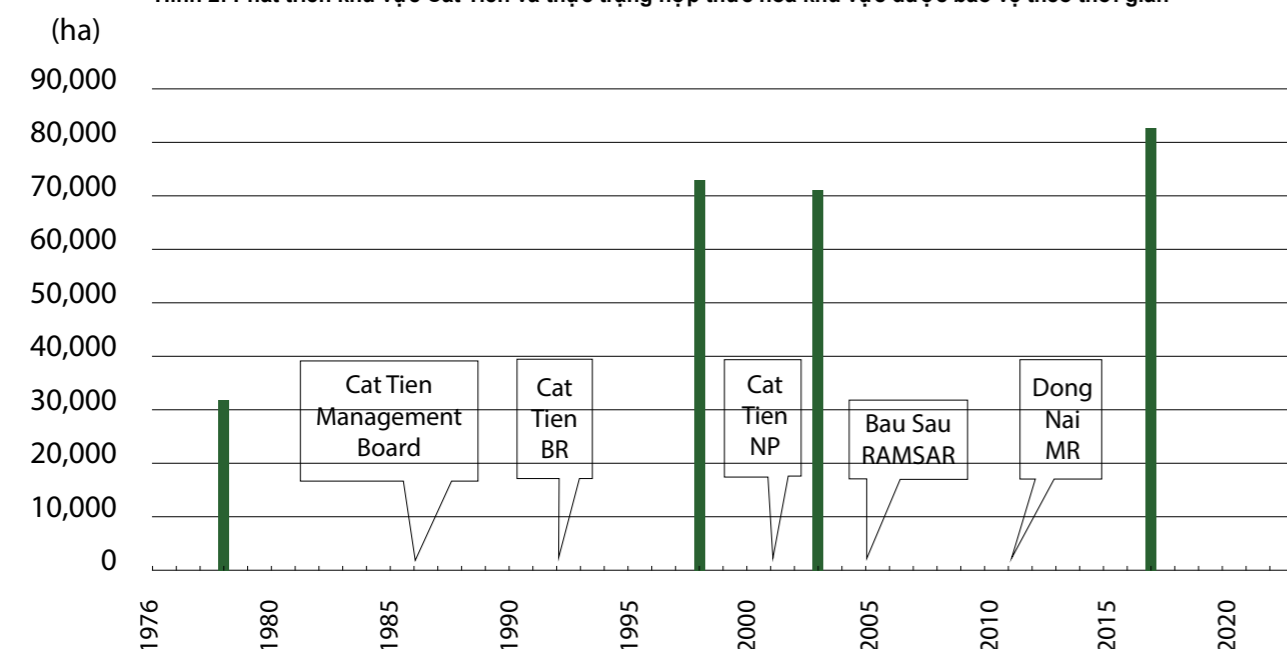
Năm 1998, Khu Nam Cát Tiên, Tây Cát Tiên và Cát Lộc được sáp nhập thành VQG Cát Tiên. Ranh giới VQG được quy hoạch lại vào năm 2003 để loại bỏ các vùng có dân cư sinh sống và các khu rừng có tính đa dạng sinh học thấp giao cho chính quyền địa phương quản lý. VQG nằm trên địa bàn của tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước.

Trong số diện tích hiện tại, 76% diện tích được dành riêng để bảo tồn nghiêm ngặt, 21% là khu vực tái sinh và 3% còn lại là khu vực hành chính. 11.409 ha là diện tích dự kiến mở rộng.

VQG Cát Tiên được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên vào năm 2001. Vùng đất ngập nước Bàu Sấu đã được công nhận là khu RAMSAR thứ hai của Việt Nam vào năm 2005. Năm 2011, Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai được thành lập. VQG là một trong ba vùng lõi của Khu sinh quyển này<sup>2</sup>.

Năm 2012, VQG được Chính phủ công nhận danh hiệu “Di tích Quốc gia đặc biệt”.

Hình 2: Phát triển khu vực Cát Tiên và thực trạng hợp thức hóa khu vực được bảo vệ theo thời gian



## Dân số và vấn đề sử dụng đất

Theo ranh giới hiện nay, không có dân cư sinh sống trong vùng lõi của Vườn. Nhưng có những khu dân cư “vùng đệm” nằm trong “vùng lõi” như xã Đồng Nai Thượng, thôn 3, thôn 4, xã Phước Cát 2. Dân cư vùng đệm có 11 nhóm đồng bào thiểu số khác nhau. Người S’Tiêng, Châu Mạ và Chơ Ro đã sống trong khu vực này nhiều thế kỷ. Các nhóm khác bao gồm nhóm đồng bào thiểu số đến từ các tỉnh phía bắc (như Tày, Nùng, Dao) Có 31 xã sống sống vùng đệm của VQG. Những xã này có ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp đến công tác bảo tồn tài nguyên VQG.

Việc tái định cư của người dân từ vùng lõi ra vùng đệm hoặc vùng chuyển tiếp tạo nên sự phong phú bản sắc văn hóa dân tộc. Sự xuất hiện của các nhóm đồng bào thiểu số khác nhau một lần nữa nhấn mạnh tính cần thiết phải bảo tồn văn hóa và truyền thống của các nhóm bản địa.

Sinh kế của người dân sống ở Cát Tiên dựa vào các hoạt động nông nghiệp. Các cây trồng truyền thống bao gồm gạo, hạt điều, ngô và sắn. Hầu hết các hộ gia đình chăn nuôi, bao gồm gia súc, trâu, lợn và gà. Các doanh nghiệp và cửa hàng chủ yếu thuộc sở hữu của người Kinh và những người nhập cư khác. Các nghề khác bao gồm dệt vải. Sản phẩm động vật hoang dã và thu gom lâm sản ngoài gỗ (LSNG) (ví dụ như tre, mây, gỗ nhiên liệu, nhựa cây và cây dược liệu) để phục vụ sinh hoạt và để bán có vai trò quan trọng đối với nhiều hộ gia đình. Các nhóm được định cư gần đây phụ thuộc nhiều vào các nguồn tài nguyên nhưng cũng đang dần tập trung nhiều hơn vào nông nghiệp. Để có thể tăng thu nhập từ nông nghiệp, người dân đang chuyển từ cây lương thực truyền thống sang nông sản hàng hóa như cà phê và hạt tiêu. Sự phát triển của các loại nông sản hàng hóa này có liên quan đến việc sử dụng nhiều phân bón, thuốc trừ sâu và khai thác cảnh cây bất hợp pháp. Chăn thả rông gia súc trong rừng và trên các đồng cỏ tự nhiên cũng góp phần làm suy thoái các khu vực này.

Một khảo sát với 11 xã trong vùng đệm cho thấy thu nhập trung bình hàng năm là 46 triệu đồng / đầu người. Trung bình, khoảng 40% thu nhập bình quân đầu người là từ nông nghiệp và lâm nghiệp. Có đến 11% số người dân trong một xã được coi là nghèo đến cận nghèo.

Bảng 1: Thu nhập đầu người tính theo nguồn thu ở VQG Cát Tiên

	Thu nhập trên đầu người và năm				Tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp & lâm nghiệp	Người nghèo & cận nghèo*
	Tất cả các nguồn thu nhập		Nông nghiệp & lâm nghiệp			
	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD		
Các xã có dữ liệu	8		10		7	6
Trung bình	46	1,959	20	855	43%	6%
Giá trị trung bình thấp nhất	18	770	6	237	9%	1%
Giá trị trung bình cao nhất	64	2735	34	1,441	87%	11%

\* Nghèo: Thu nhập bình quân đầu người hàng năm ≤ 21 triệu đồng (920 USD); Cận nghèo: Thu nhập bình quân đầu người hàng năm ≤ 28 triệu đồng (1.230 USD) Nguồn: Phương án quản lý rừng bền vững Vườn Quốc Gia Cát Tiên, 2021

Dân số gia tăng và các biện pháp quản lý đất đai không bền vững dẫn đến nạn phá rừng, phá hủy và phân mảnh môi trường sống, ô nhiễm tài nguyên nước cả trong và ngoài VQG. Sản phẩm, bẫy động vật hoang dã đang là một trong những vấn đề nghiêm trọng ở Cát Tiên. Các hoạt động khác trực tiếp đe dọa hệ động thực vật bao gồm khai thác gỗ, thu hái măng, mây, tre nứa. Sự chăn thả gia súc bừa bãi trong VQG có nguy cơ dịch bệnh cho động vật hoang dã, làm cạnh tranh nguồn thức ăn và lai tạp nguồn gen với các loài khác. Phân mảnh môi trường sống cũng làm gia tăng xung đột giữa con người với động vật hoang dã, như làm giảm sinh cảnh của loài voi châu á, voi thường xuất hiện ở các vùng đất nông nghiệp và phá hủy cây trồng.

<sup>2</sup> Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, 2011. Hồ sơ nâng cấp và đổi tên Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai. Các vùng lõi khác là rừng / đất rừng có diện tích 67.900ha và khu vực hồ Trị An với 72.890ha.

## Bảo tồn và sử dụng bền vững

VQG Cát Tiên là một trung tâm đa dạng sinh học quan trọng. VQG bảo vệ một trong những diện tích còn sót lại lớn nhất của rừng mưa nhiệt đới theo mùa ở Việt Nam, bao gồm các quần xã sinh vật rừng khác nhau: các kiểu rừng thường xanh, rụng lá, và rừng tre hỗn giao. Đất ngập nước Bàu Sấu và các vùng đất ngập nước theo mùa là một khu phức hợp nước ngọt quan trọng và là vùng chuyển tiếp giữa vùng sinh thái Dãy Trường Sơn và hạ lưu đồng bằng sông Cửu Long.

VQG là nơi trú ngụ của hơn 1.700 loài thực vật và 700 loài động vật và nhiều loài côn trùng. Vườn có 40 loài động vật và 34 loài thực vật bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng trên toàn cầu. Các loài động vật có vú bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng được tìm thấy trong VQG như Bò tót (*Bos gaurus*), Voi Châu Á (*Elephas maximus*), Vượn đen má vàng (*Nomascus gabriellae*) và Chà vá chân đen (*Pygathrix nigripes*). VQG cũng nổi tiếng với quần thể nai (*Rusa unicolor*).

### Động vật có vú bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng ở Cát Tiên

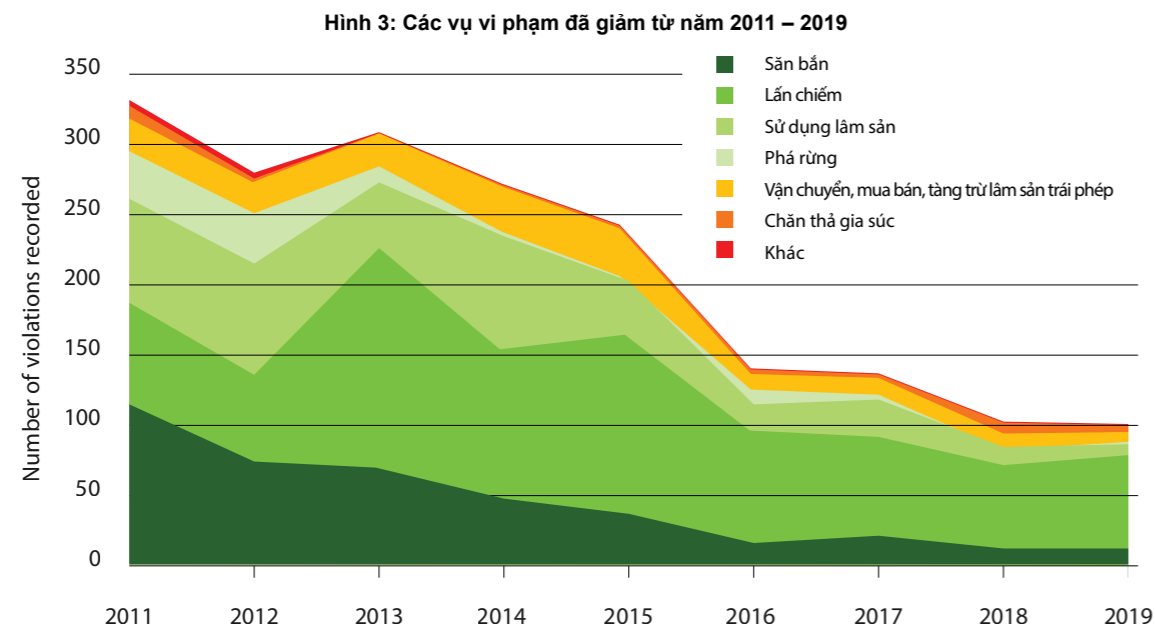
Một quần thể tê giác Java (*Rhinoceros sondaicus annamiticus*) còn sót lại ở phía bắc VQG cho đến năm 2010. Nguyên nhân tuyệt chủng của loài này ở Việt Nam được cho là do mất môi trường sống và săn bắn trái phép<sup>3</sup>. Sự tuyệt chủng của loài này cho thấy sự cấp thiết phải tiếp tục bảo vệ môi trường sống và loài.

Giá trị bảo tồn cao của VQG được khẳng định vì được công nhận là khu vực RAMSAR và được xếp vào danh sách

“Vùng đa dạng sinh học và chim quan trọng (IBAs)” (BirdLife International, 2021<sup>4</sup>). Ngoài giá trị đa dạng sinh học, VQG còn cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng khác, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Lưu trữ carbon
- LSNG (từ 538 loài, được sử dụng làm thuốc và thực phẩm)
- Bảo vệ tài nguyên nước trong và xung quanh VQG khỏi trầm tích và ô nhiễm.

Ban Quản lý VQG làm việc với người dân địa phương và các tổ chức khác (xem sơ đồ các bên liên quan trang 11 bên dưới) để bảo vệ vườn. Các biện pháp bảo vệ đã góp phần làm giảm mạnh các hoạt động bất hợp pháp.



Nguồn: SFMP, 2021

Chương trình Chi trả các dịch vụ môi trường rừng (PFES) là một công cụ quan trọng để các cộng đồng người dân tích cực tham gia vào công tác bảo tồn. Năm 2018, việc quản lý 31.607 ha rừng ở VQG Cát Tiên được giao cho 44 cộng đồng, 1 đơn vị công an huyện và 1 đơn vị quân đội huyện.

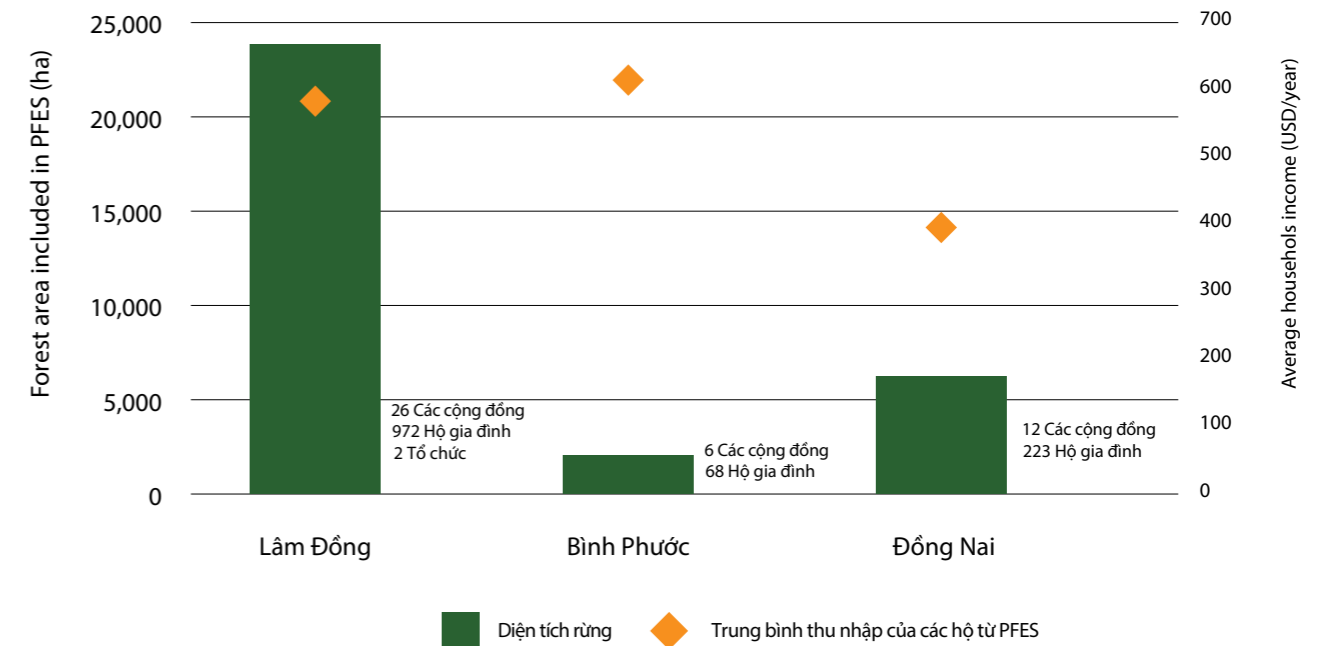
37 thôn vùng đệm được nhận 40 triệu đồng/thôn mỗi năm để xây dựng các công trình phúc lợi và phát triển sinh kế<sup>5</sup>.

<sup>3</sup> [https://wwf.panda.org/wwf\\_news/?2202074/Inadequate-protection-causes-Javan-rhino-extinction-in-Vietnam](https://wwf.panda.org/wwf_news/?2202074/Inadequate-protection-causes-Javan-rhino-extinction-in-Vietnam)

<sup>4</sup> Source: <http://datazone.birdlife.org/site/factsheet/nam-cat-tien-iba-vietnam>

<sup>5</sup> Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020.

Hình 4: Chi trả các dịch vụ môi trường rừng tại VQG Cát Tiên: Khu vực rừng và thu nhập



Nguồn: Dự án quản lý rừng đặc dụng (SFMP) Cát Tiên, 2021

Ngoài ra, các sáng kiến bảo tồn đặc biệt ở Cát Tiên bao gồm:

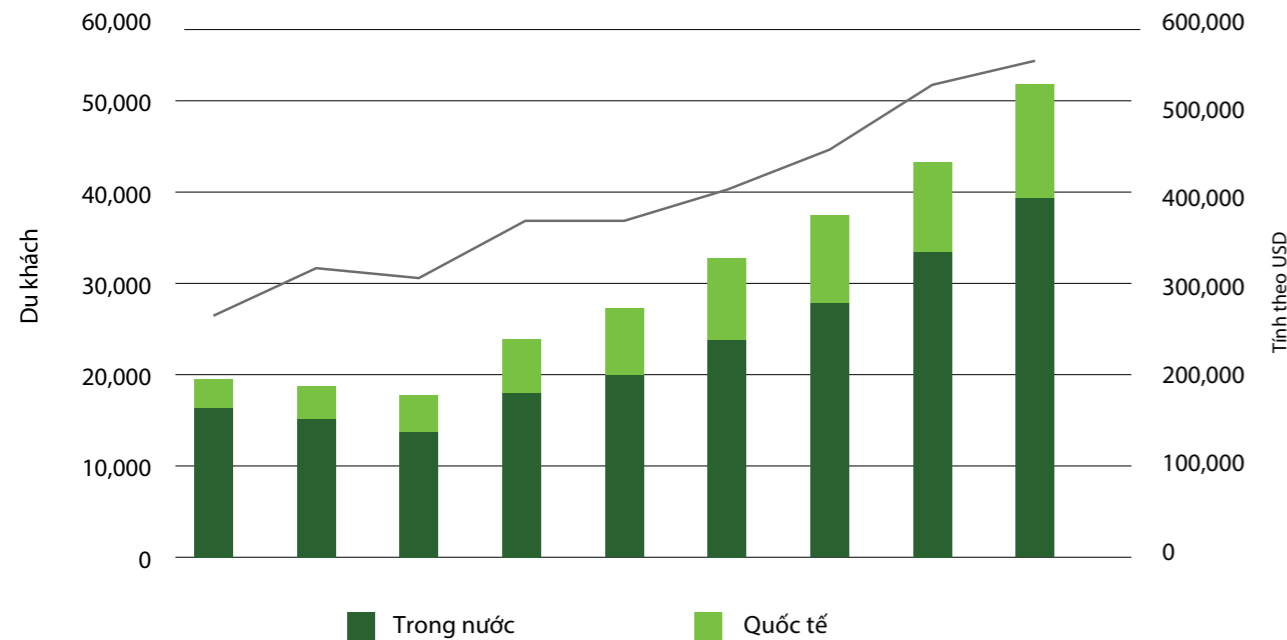
- Khu cứu hộ các loài linh trưởng nguy cấp Đảo Tiên do Tổ chức Monkey World (Anh) tài trợ, khoảng 10 phút đi thuyền từ trụ sở VQG Cát Tiên
- Chương trình Bảo tồn thú ăn thịt nhỏ và tê tê
- Xây dựng Khu cứu hộ gấu Cát Tiên;
- Kêu gọi các công ty hợp tác trồng cây
- Hợp tác nghiên cứu với Trung tâm nghiên cứu nhiệt đới Việt - Nga



## Du lịch

Sự hấp dẫn của cảnh quan, cơ hội quan sát các loài quý hiếm trong môi trường tự nhiên hoặc tại một trong những trung tâm bảo tồn, và văn hóa của người dân địa phương khiến Cát Tiên trở thành một điểm đến du lịch hấp dẫn cho du khách trong nước và quốc tế. Đặc biệt trong số đó là khu vực Bàu Sấu, đi bộ đường rừng, tour du lịch sông Đồng Nai và thăm quan các làng truyền thống. Trung tâm du khách Cát Tiên cung cấp những kiến thức về đa dạng sinh học của Vườn. Lượng du khách đến thăm Cát Tiên đã tăng đều kể từ năm 2015. Năm 2019, hơn 50.000 lượt khách đã đến thăm VQG, mang lại doanh thu trên 500.000 USD.

Hình 5: Khách du lịch đến thăm VQG Cát Tiên và doanh thu từ du lịch



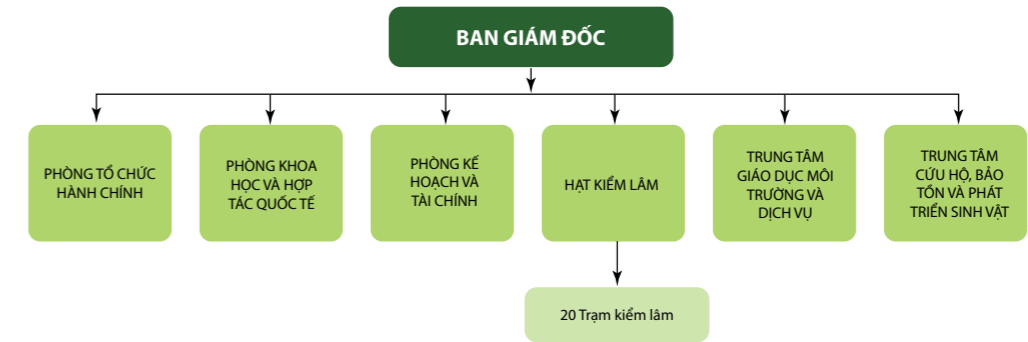
Nguồn: Dự án quản lý rừng đặc dụng (SFMP) Cát Tiên, 2021



## Ban Quản lý và các bên liên quan

VQG do Bộ NN&PTNT quản lý thông qua Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam (TCLNVN). Ban Quản lý VQG Cát Tiên được TCLNVN giao và chịu trách nhiệm chung về quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học. Các cơ quan liên quan của TCLNVN (Xem hình) hợp tác chặt chẽ với chính quyền địa phương ở ba tỉnh và cơ quan quốc gia có liên quan (Cục Kiểm lâm), Cơ quan Quản lý CITES (Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp có nguy cơ tuyệt chủng) và cơ quan bảo tồn đa dạng sinh học (Khu bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, Bộ TN&MT). TCLNVN phê duyệt tất cả các kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của VQG. VQG tuyển dụng 200 người, 75% là nhân viên làm việc lâu dài, số còn lại đang làm theo các hợp đồng dịch vụ.

Hình 6: Cơ cấu quản lý VQG Cát Tiên



Nguồn: SFMP, 2021

Các trạm kiểm lâm VQG do Hạt kiểm lâm quản lý và được đặt ở các điểm trọng yếu trong và xung quanh vườn. Mỗi trạm hợp tác với một hoặc nhiều xã để bảo vệ rừng. Nhiệm vụ chính của các trạm là bảo vệ tài nguyên rừng kiểm soát việc sử dụng / khai thác lâm sản và LSNG và phòng chống cháy rừng. Các trạm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong bảo vệ rừng.

Các trạm kiểm lâm cũng chịu trách nhiệm nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng trong cộng đồng địa phương và hỗ trợ VQG và UBND xã trong việc tổ chức và giúp các nhóm cộng đồng bảo vệ rừng theo chương trình Chi trả dịch vụ môi trường rừng. Các khoản chi trả cho các xã và hộ gia đình tham gia chương trình này được chuyển qua tài khoản Viettel Pay của các hộ.

Ban quản lý VQG Cát Tiên đang làm việc với các bên liên quan. Các bên liên quan bao gồm các cơ quan chính phủ ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và huyện, các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam và quốc tế, các công ty và tư nhân, và người dân sống ở các làng gần vườn. Để chính thức hóa các mối quan hệ, 25 Biên bản ghi nhớ (MOUs) đã được ký kết với các cơ quan liên quan ở cấp huyện và xã. Các tổ chức chính trị xã hội ở cấp huyện cũng là những bên liên quan quan trọng (Hội nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Ban Dân tộc).

Sơ đồ các bên liên quan dưới đây cho thấy các bên liên quan hiện đang tham gia vào quản lý và bảo tồn VQG Cát Tiên. Các bên liên quan có thể được phân loại theo mối quan hệ của với VQG: (i) Quản lý/quản trị trực tiếp trong ngành lâm nghiệp (ii) quản lý nhà nước theo địa phương (UBND) và các ngành phi lâm nghiệp; và (iii) hợp tác ng-hiên cứu hoặc nỗ lực bảo tồn.

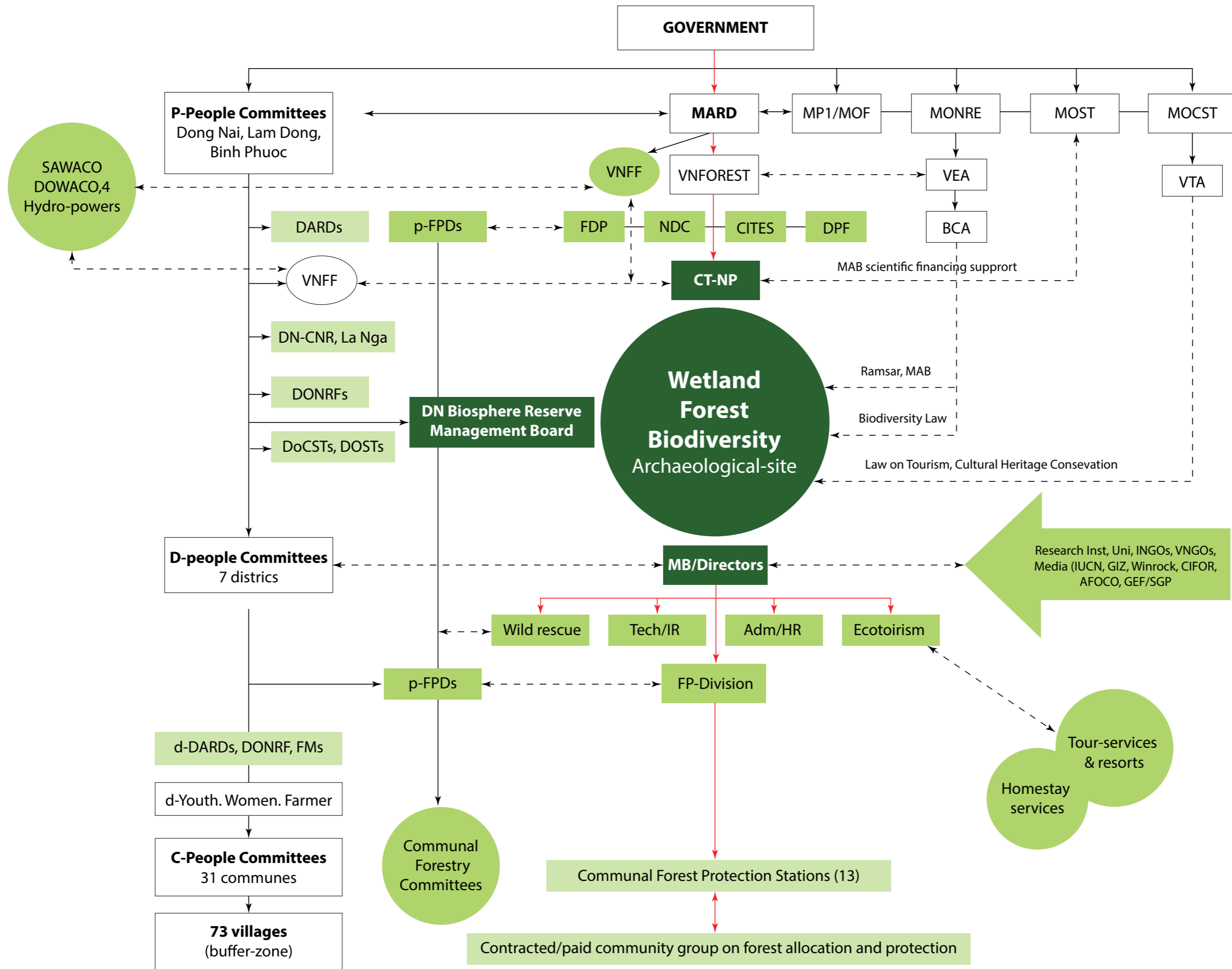
UBND xã và các đơn vị trực thuộc là một nhóm các bên liên quan quan trọng - tất cả các chính sách quốc gia và địa phương về bảo vệ rừng và quản lý đất đai đều được thực hiện thông qua UBND xã. Các cơ quan trực thuộc của UBND xã là Ban lâm nghiệp. Bảo tồn đa dạng sinh học là một nhiệm vụ thường được xếp chung vào nhóm "bảo vệ rừng". Công an xã hỗ trợ UBND xã xử lý các vụ vi phạm quy định về quản lý và bảo tồn rừng.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ được hưởng dụng từ tài nguyên thiên nhiên trong VQG. Các doanh nghiệp bao gồm các công ty du lịch, hộ gia đình cung cấp dịch vụ homestay và khai thác cát trên sông Đồng Nai. Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ có rất ít mối liên hệ với VQG và tài nguyên rừng nhưng có thể mang lại lợi ích gián tiếp, ví dụ cung cấp dịch vụ cho khách du lịch đến tham quan.

Quản lý và hoạt động của VQG Cát Tiên được quy định bởi nhiều luật, đáng chú ý là Luật Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNT là trung tâm), Luật Đa dạng sinh học, Luật bảo vệ môi trường và Luật đất đai (Bộ TN&MT), Luật du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Luật đầu tư công (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Quy hoạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) là các tài liệu tham khảo pháp lý chính khi đầu tư phát triển khu vực được bảo vệ. Các nghiên cứu khoa học về bảo tồn có thể được Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí thực hiện.

VQG Cát Tiên đã nhận được một số giải thưởng quốc gia, bao gồm "Giải thưởng Môi trường Việt Nam" (Bộ TN&MT) năm 2009 và 2019 và Ban quản lý VQG xuất sắc năm 2019 (Hiệp hội VQG và Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam). Bộ TN&MT vinh danh VQG là tổ chức có nhiều đóng góp cho bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020.

Hình 7: Sơ đồ các bên liên quan VQG Cát Tiên



## Khó khăn trong công tác bảo tồn và phương hướng

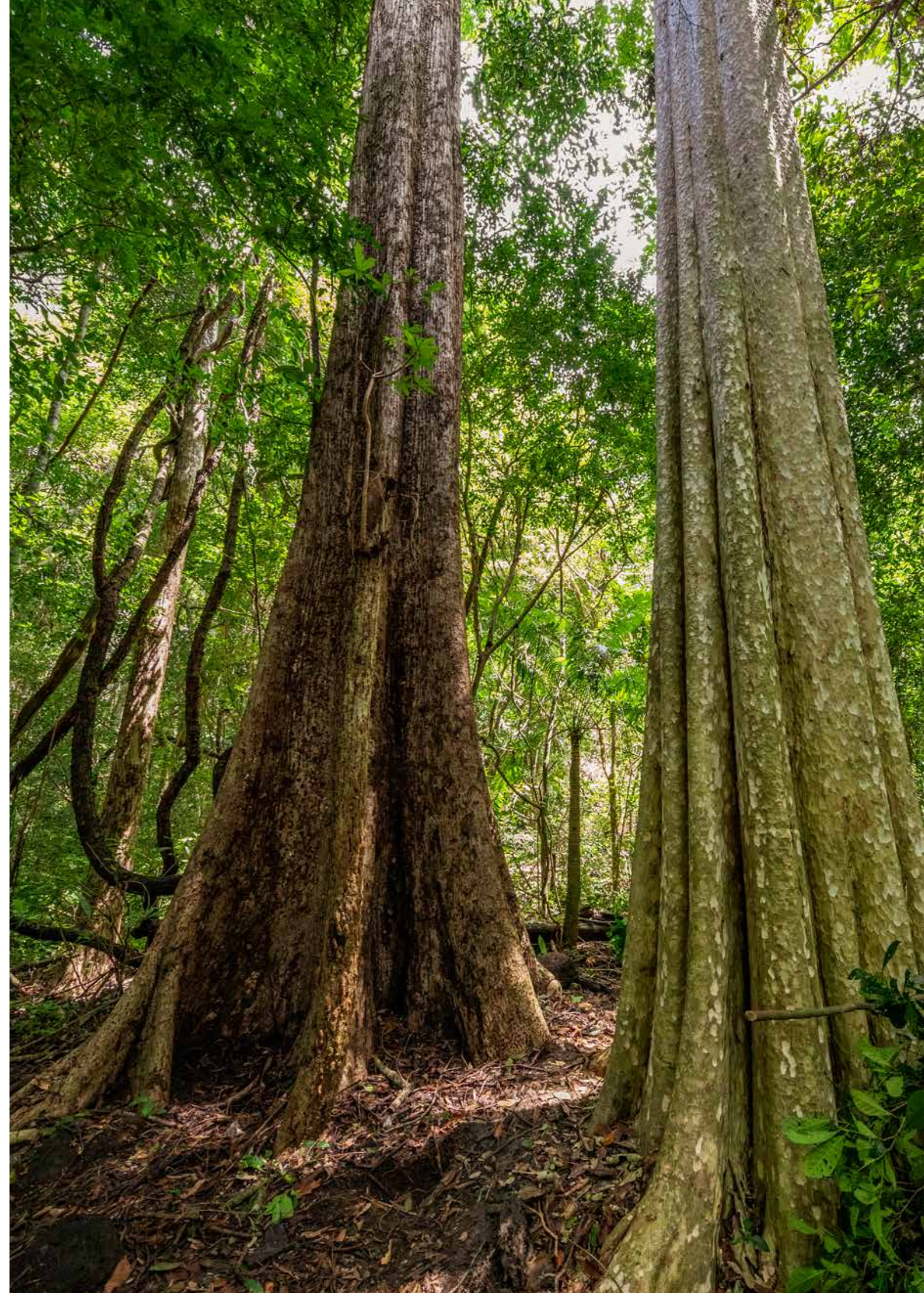
Mặc dù có những bước phát triển và đạt được những thành tựu trong bảo vệ đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên, VQG Cát Tiên vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và cần phải tiếp tục nỗ lực để đảm bảo quản lý hiệu quả và công bằng VQG này.

### Quản lý

- Phát triển phương thức quản lý liên tỉnh và huyện sẽ hỗ trợ xây dựng các kế hoạch quản lý, kinh doanh dài hạn và trung hạn, và tăng cường quá trình ra quyết định hiệu quả cho VQG; Hơn nữa, cách quản lý như vậy cũng cho phép giám sát hiệu suất hoạt động của VQG nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch quản lý của vườn.
- Cải thiện sự phối hợp giữa Ban quản lý VQG Cát Tiên và chính quyền huyện / xã có thể góp phần nâng cao khả năng tích hợp các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển địa phương (sinh kế và giảm nghèo) với các mục tiêu bảo tồn và nỗ lực của VQG.
- Nâng cao quản lý tri thức (như đánh giá toàn diện / cơ sở của hiện trạng tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, các tổ chức và năng lực của họ, hoặc đánh giá dịch vụ hệ sinh thái và các yếu tố khác) có thể hỗ trợ chuyển đổi theo hướng quy hoạch, đầu tư và các giải pháp quản lý một cách đồng bộ hơn.
- Hướng dẫn chính thức và nâng cao năng lực tham vấn của các bên liên quan có thể tăng cường hơn nữa sự tương tác với các tổ chức quốc tế (Ramsar, UNESCO, IUCN, các nhà tài trợ), các cơ quan cấp Bộ (Bộ TN&MT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và các cơ quan cấp tỉnh cũng như với cộng đồng và các công ty khu vực tư nhân.

### Bảo tồn

- Tăng cường kết nối với các Bộ khác nhau và các cơ quan chức năng thuộc Bộ (ví dụ: Bộ TN&MT chịu trách nhiệm về sinh học, vùng đất ngập nước và tài nguyên nước; Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về nghiên cứu khoa học; và Bộ Văn hóa, Du lịch và Thể thao chịu trách nhiệm về bảo tồn các giá trị văn hóa và khảo cổ học) có thể giúp thúc đẩy hơn nữa các hoạt động bảo tồn hướng đến các giải pháp quy hoạch cảnh quan và quản lý một cách đồng bộ / dựa trên hệ sinh thái.
- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các giải pháp cùng quản lý bằng cách xem xét các quyền lợi truyền thống của các nhóm đồng bào thiểu số địa phương (S'Tiêng, Mạ,) trong việc sử dụng LSNG của rừng tái sinh, sử dụng đất theo tập quán, và đánh bắt có thể làm giảm hơn nữa tranh chấp sử dụng đất giữa VQG và 600 hộ gia đình sinh sống hoặc canh tác đất trong phạm vi VQG (đặc biệt là tại các xã Đồng Nai Thượng, Tà Lài, Đăk Lua).
- Xây dựng năng lực cho cán bộ quản lý và nhân viên VQG và các đối tác địa phương của vườn (Ban Lâm nghiệp xã) nhằm nâng cao sự tham gia của cộng đồng và hỗ trợ sinh kế thông qua VQG có thể đảm bảo các nguồn tài chính cho các hoạt động này được sử dụng hiệu quả hơn. Điều này sẽ bảo đảm lợi ích bình đẳng cho tất cả các hộ gia đình và người dân, không phân biệt dân tộc, giới tính và tình trạng kinh tế xã hội.
- Hướng dẫn về quan hệ đối tác công tư, mô hình kinh doanh phù hợp, chia sẻ lợi ích, áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội để phát triển các doanh nghiệp du lịch sinh thái có thể góp phần cải thiện lợi ích của cộng đồng địa phương từ VQG mà không ảnh hưởng đến các mục tiêu bảo tồn của vườn.





## Phần II: Tài chính

### Phương pháp luận

Đánh giá tài chính ban đầu được dự định dưới dạng một tiến trình chuyên sâu, linh hoạt và lặp lại. Tuy nhiên, ảnh hưởng của dịch COVID trên toàn cầu khiến cho việc đi lại bị hạn chế và do đó tiến trình này không thể thực hiện được như dự kiến. Do đó, nó đã được thiết kế lại dưới dạng một đánh giá có cấu trúc, dựa trên các danh sách kiểm tra để các cán bộ KBT và các bên liên quan khác có thể điền thông tin vào.

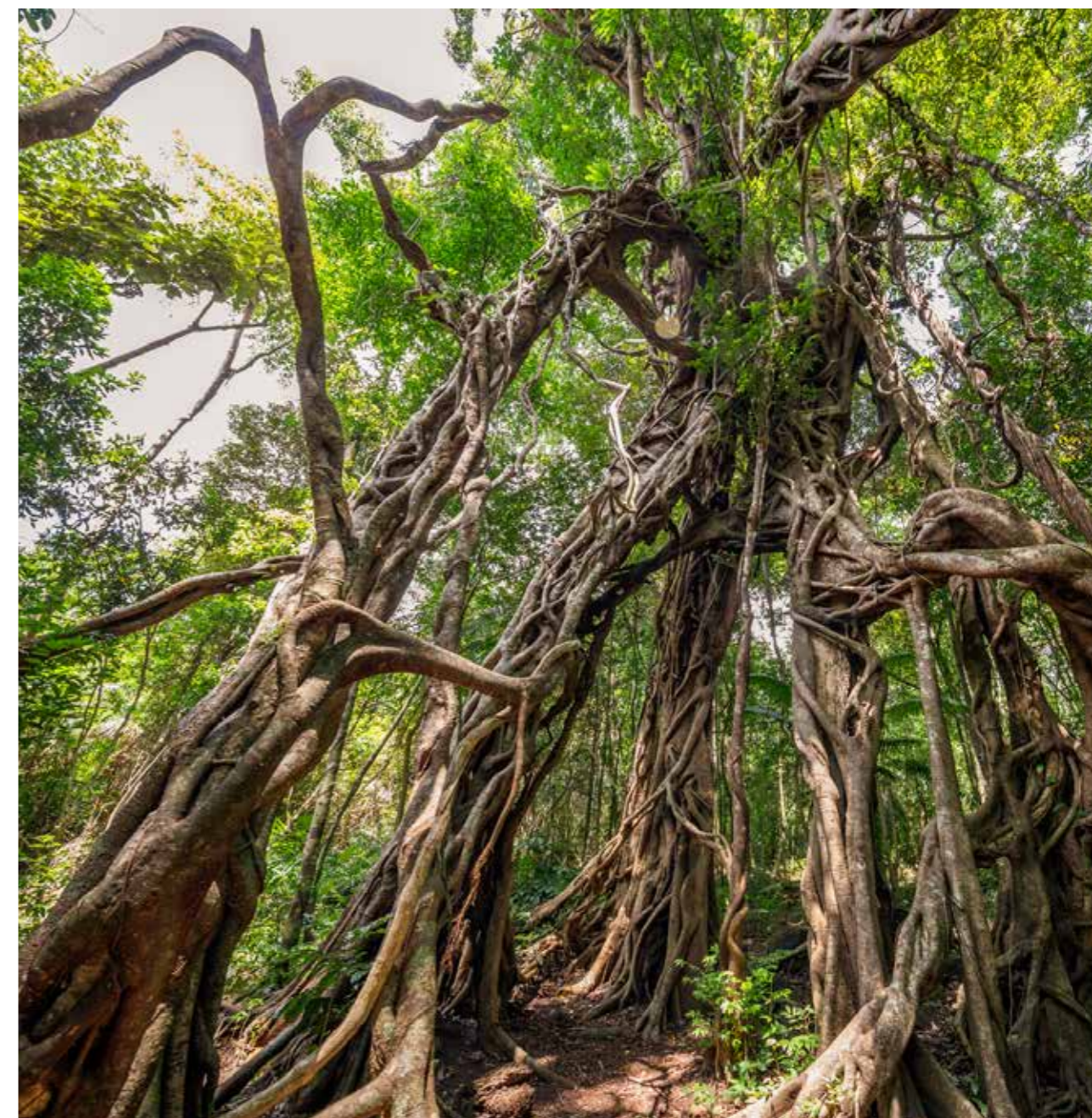
Một 'Công cụ Tự đánh giá tài chính KBT' (PAFSAT) đã được xây dựng và được hoàn thiện cùng với các bên liên quan chính trong và xung quanh VQG BNB và VQG CT. Công cụ này đánh giá tình hình tài chính tổng thể của KBT cả về khía cạnh định tính lẫn định lượng. Cùng với việc thu thập dữ liệu ngân sách và các thông tin tài chính khác, nó đánh giá nhận thức của các nhà quản lý KBT, các nhà hoạch định tài chính và ngân sách và cộng đồng địa phương về nhu cầu tài chính, thách thức và cơ hội của KBT (Bảng 2). Công cụ PAFSAT được áp dụng thông qua các cuộc phỏng vấn với ba nhóm bên liên quan: Ban Quản lý KBT, Vụ Tài chính của Tổng cục Lâm nghiệp (đối với các KBT do trung ương quản lý) hoặc UBND tỉnh (đối với các KBT do tỉnh quản lý) và Chính quyền các xã thuộc vùng đệm. Mục đích là nhằm có được các quan điểm khác nhau về tài trợ cho KBT từ các cơ quan chính chịu trách nhiệm cấp vốn và quản lý các hoạt động bảo tồn trong và xung quanh KBT.

Bảng 2: Thông tin thu thập được thông qua công cụ PAFSAT

BQL KBT	Vụ Tài chính	Chính quyền các xã vùng đệm
<ul style="list-style-type: none"> <li>Dòng vốn và cơ cấu vốn</li> <li>Có đủ nguồn vốn và thiếu hụt nguồn vốn</li> <li>Xu hướng tài trợ trong quá khứ và dự kiến trong tương lai</li> <li>Mức độ và cơ cấu chi phí</li> <li>Xu hướng chi phí trong quá khứ và dự kiến trong tương lai</li> <li>Mức độ và cơ cấu thu nhập tự tạo</li> <li>Xu hướng thu nhập trong quá khứ và dự kiến trong tương lai</li> <li>Cơ chế quản lý và giữ lại thu nhập</li> <li>Những khó khăn về tài chính</li> <li>Lợi thế tài chính, các cơ hội và lĩnh vực tiềm năng</li> <li>Ý tưởng để cải thiện tình hình tài chính của KBT</li> <li>Các tài liệu chiến lược, các kế hoạch, các quy định và văn bản dưới luật về tài trợ cho KBT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng chi phí và tỷ trọng phân bổ cho các KBT</li> <li>Xu hướng trong quá khứ và dự kiến trong tương lai về chi tiêu tổng thể và cho các KBT</li> <li>Tiến trình lập kế hoạch, yêu cầu, phê duyệt và phân bổ ngân sách cho KBT</li> <li>Các nhu cầu và cơ chế giữ lại doanh thu của KBT</li> <li>Tự chủ tài chính của KBT</li> <li>Những khó khăn về tài chính của KBT</li> <li>Các cơ hội và tiềm năng tài chính cho KBT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chi phí và tài trợ cho đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên</li> <li>Tổng chi phí và tỷ trọng phân bổ cho đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên</li> <li>Xu hướng trong quá khứ và dự kiến trong tương lai về chi phí tổng thể và chi phí cho đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên</li> <li>Tiếp cận và có đủ nguồn tài trợ cho đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên</li> <li>Ưu tiên ngân sách cho đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên</li> <li>Các cơ hội và khả năng tìm kiếm thêm nguồn tài trợ cho đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên</li> <li>Sự tham gia của cộng đồng vào PFES và các hoạt động thu nhập/tài trợ khác gắn liền với KBT, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên</li> <li>Các cách thức mà KBT mang lại lợi ích cho kinh tế địa phương và cộng đồng</li> <li>Các cách thức mà KBT tạo ra chi phí và tổn thất cho kinh tế địa phương và cộng đồng</li> <li>Các cơ hội và khả năng cải thiện tác động tích cực về tài chính và kinh tế của KBT đối với nền kinh tế địa phương và cộng đồng</li> </ul>

Tại VQG CT, công cụ PAFSAT được áp dụng với BQL KBT và chính quyền các xã Phước Cát 2, Tà Lài và Đắc Lua. Vụ Tài chính của Tổng cục Lâm nghiệp không thể bố trí làm việc được với nhóm nghiên cứu.

Công cụ PAFSAT có nhiều ứng dụng hơn là chỉ với một mình dự án hiện tại. Nó đưa ra một khuôn khổ có thể được nhân rộng ở những nơi khác và được sử dụng để so sánh và tổng hợp dữ liệu ở cấp địa điểm giữa các KBT, và/hoặc được áp dụng để theo dõi và giám sát sự thay đổi theo thời gian. Nó dựa trên các công cụ đánh giá, theo dõi và chấm điểm KBT hiện có khác đã được sử dụng phổ biến ở Việt Nam và trên toàn thế giới, như Công cụ đánh giá hiệu quả quản lý KBT (METT) được xây dựng bởi WWF và Ngân hàng Thế giới<sup>6</sup>, Bảng chấm điểm về Tính bền vững tài chính của KBT được xây dựng bởi UNDP<sup>7</sup>, và Công cụ Đánh giá lợi ích của KBT (PA-BAT) được xây dựng bởi WWF<sup>8</sup>. Mặc dù có một số thông tin chồng chéo, công cụ này cũng có thể được áp dụng như một phần mở rộng hoặc bổ sung, cùng với các công cụ khác đề cập ở trên.



<sup>6</sup> Xem [https://wwf-eu.awsassets.panda.org/downloads/mett2\\_final\\_version\\_july\\_2007.pdf](https://wwf-eu.awsassets.panda.org/downloads/mett2_final_version_july_2007.pdf)

<sup>7</sup> Xem [https://www.undp.org/content/undp/en/home/librarypage/environment-energy/ecosystems\\_and\\_biodiversity/financial-sustainability-scorecard-for-national-systems-of-pas---2010.html](https://www.undp.org/content/undp/en/home/librarypage/environment-energy/ecosystems_and_biodiversity/financial-sustainability-scorecard-for-national-systems-of-pas---2010.html)

<sup>8</sup> Xem <https://wwf.panda.org/?174401/PABAT>

## Tóm tắt phân tự đánh giá về tài trợ cho VQG

Tình trạng/ điểm	↓ (0)	→ (1)	↗ (2)	↑ (3)
Các hạn chế về tài chính và các điều kiện thuận lợi				
Đủ nguồn vốn để đáp ứng các nhu cầu	Không đủ ngay cả đối với quản lý và bảo tồn cơ bản	Chỉ đủ cho các hoạt động quản lý và bảo tồn tối thiểu	Tương đối đủ cho công tác quản lý và bảo vệ, nhưng vẫn còn thiếu một chút	Đủ cho tất cả các nhu cầu của KBT
Phạm vi (tính đa dạng) của các nguồn vốn	KBT chỉ dựa vào một nguồn vốn	KBT phụ thuộc gần như hoàn toàn vào nguồn vốn của chính phủ và quốc tế	Nguồn vốn cho KBT cũng bao gồm cả các nguồn thu tự tạo và các khoản đóng góp tư nhân	Nguồn vốn cho KBT cũng tích hợp một số cơ chế tài chính không truyền thống
Ưu tiên ngân sách và chính trị dành cho các KBT	Các KBT không được ưu tiên như các ngành khác	Ưu tiên dành cho các KBT là rất thấp	Các KBT nhận được một số ưu tiên và sự quan tâm	Các KBT là một trong những ưu tiên cao nhất
Khả năng dự đoán và tính ổn định của nguồn vốn	Ngân sách và nguồn vốn biến động nhiều và không thể đoán trước hàng năm	Ngân sách và nguồn vốn thay đổi hàng năm, nhưng được biết trước	Ngân sách & nguồn tài trợ tương đối ổn định	Ngân sách & nguồn tài trợ rất ổn định và có thể được lên kế hoạch trước
Hiệu quả chi phí của việc chi tiêu	Có rất nhiều lãng phí không cần thiết trong chi tiêu	Chi tiêu không phải lúc nào cũng hiệu quả về chi phí	Chi tiêu thường có hiệu quả về chi phí	Có các nỗ lực cụ thể để đảm bảo rằng việc chi tiêu có hiệu quả về chi phí
Thời gian của các dòng vốn	Có sự chậm trễ lớn trong việc nhận nguồn vốn	Có sự chậm trễ nhỏ trong việc nhận nguồn vốn của KBT	KBT thường, nhưng không phải lúc nào cũng được nhận tài trợ kịp thời	KBT thường nhận được tài trợ kịp thời, khi cần thiết
Hướng mục tiêu và điều chỉnh ngân sách KBT phù hợp với các nhu cầu và ưu tiên bảo tồn	Các tiến trình lập ngân sách và lập kế hoạch bảo tồn hoàn toàn tách biệt	Có một số nỗ lực để đưa các ưu tiên bảo tồn vào trong quá trình lập kế hoạch ngân sách	Việc lập kế hoạch ngân sách có tính đến các ưu tiên bảo tồn và quản lý KBT	Việc lập kế hoạch bảo tồn và tài chính của KBT được lồng ghép hoàn toàn
Tính đầy đủ/bao quát của các hạng mục ngân sách và tính chính xác của định mức chi phí	Các mục chi tiêu chính bị bỏ qua và tất cả các định mức chi phí đều quá thấp	Các mục chi tiêu không quan trọng bị bỏ qua, và hầu hết các định mức chi tiêu đều quá thấp	Hầu hết các mục chi tiêu được đưa vào và các định mức chi phí hầu hết là thực tế	Tất cả các mục chi tiêu đều được đưa vào và tất cả các định mức chi phí đều là thực tế
Giữ lại các khoản thu	Tất cả các khoản thu đều được yêu cầu phải nộp tập trung	KBT được phép giữ lại ít hơn một nửa doanh thu	KBT được phép giữ lại trên một nửa, nhưng không phải tất cả, doanh thu	KBT được phép giữ lại tất cả doanh thu
Năng lực của cán bộ KBT về tài chính bền vững	Không có chuyên môn hay trình độ về tài chính	Có các chuyên gia tài chính có trình độ	Đã được đào tạo về lập kế hoạch và các cơ chế tài chính bền vững	Có năng lực và kinh nghiệm về tài chính bền vững
Lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học vào ngân sách ngành	Ngân sách của các cơ quan chủ quản và chính quyền địa phương không bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn là một ưu tiên nhỏ trong ngân sách của cơ quan chủ quản và chính quyền địa phương	Ngân sách của các cơ quan chủ quản và chính quyền địa phương có bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học	Ngân sách của các cơ quan chủ quản và chính quyền địa phương dành nhiều ưu tiên cho bảo tồn
Khả năng tiếp cận của các bên liên quan ở địa phương tới nguồn vốn dành cho bảo tồn và các ưu đãi	Không có tài trợ/ưu đãi tài chính	Chỉ có một lượng rất nhỏ nguồn vốn/ưu đãi tài chính	Nhiều nguồn vốn/ưu đãi tài chính, nhưng có nhiều việc cần phải làm	Có đủ nguồn vốn/ưu đãi tài chính
Các xu hướng theo thời gian				
Sự sẵn có của nguồn vốn	Giảm/xấu hơn	Giữ nguyên	Tăng/có cải thiện một chút	Tăng/cải thiện đáng kể
Tính đa dạng của các nguồn vốn	Giảm/ xấu hơn	Giữ nguyên	Tăng/có cải thiện một chút	Tăng/cải thiện đáng kể
Nguồn vốn đủ để đáp ứng nhu cầu	Giảm/ xấu hơn	Giữ nguyên	Tăng/có cải thiện một chút	Tăng/cải thiện đáng kể
Lượng chi tiêu	Giảm/ xấu hơn	Giữ nguyên	Tăng/có cải thiện một chút	Tăng/cải thiện đáng kể
Lượng thu nhập	Giảm/ xấu hơn	Giữ nguyên	Tăng/có cải thiện một chút	Tăng/cải thiện đáng kể

## Hiện trạng và xu hướng tài trợ

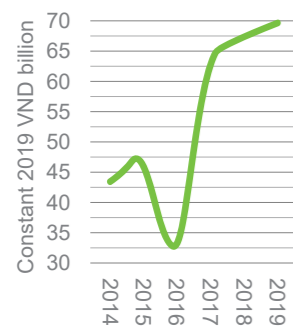
Năm 2019, VQG Cát Tiên nhận được tổng nguồn vốn là 69,647 tỷ đồng, trong đó 36,912 tỷ đồng tương đương với 53% là từ phân bổ ngân sách công hàng năm và số còn lại 32,734 tỷ đồng tương đương với 47% là từ doanh thu (Bảng 3). Điều này có nghĩa là chi phí ở mức 97,61 triệu đồng/km<sup>2</sup>.

**Bảng 3: Thu nhập & chi phí trong giai đoạn 2014-2019 (giá trị quy đổi theo năm 2019, đơn vị tính là tỷ đồng)**

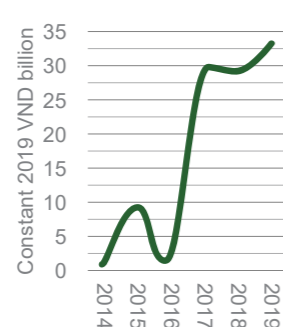
	2014	2015	2016	2017	2018	2019
<b>Chi phí</b>						
Chi đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi thường xuyên	30,92	35,79	25,61	28,81	27,17	35,34
Trong đó:						
Chi phí nhân viên	28,22	30,69	24,10	26,12	23,44	28,90
Vận hành và bảo trì văn phòng	2,70	5,11	1,51	2,69	3,73	6,44
Khác	12,18	10,52	7,40	34,20	40,12	34,31
<b>Tổng</b>	<b>43,10</b>	<b>46,31</b>	<b>33,02</b>	<b>63,01</b>	<b>67,29</b>	<b>69,65</b>
<b>Nguồn vốn</b>						
Vốn ngân sách	42,37	37,32	31,26	34,29	36,51	36,91
Ngân sách chi thường xuyên	-	-	-	-	1,31	-
<b>Tổng</b>	<b>42,37</b>	<b>37,32</b>	<b>31,26</b>	<b>34,29</b>	<b>37,82</b>	<b>36,91</b>
<b>Thu nhập</b>						
Du lịch	0,73	0,42	1,42	0,58	2,43	2,00
Khác	-	8,57	0,34	28,15	27,03	30,73
<b>Tổng</b>	<b>0,73</b>	<b>8,99</b>	<b>1,76</b>	<b>28,73</b>	<b>29,46</b>	<b>32,73</b>

Ngoài sự sụt giảm rõ rệt trong năm 2016, cả chi phí và thu nhập đã tăng đều đặn trên thực tế<sup>9</sup> trong sáu năm qua (Hình 8, Hình 9). Sự gia tăng đặc biệt rõ ràng kể từ năm 2017, và chủ yếu là từ sự tăng trưởng đột ngột của các nguồn thu 'khác'. Trong ba năm vừa qua, thu nhập đã đóng góp gần một nửa vào tổng nguồn vốn của VQG CT (Hình 10). Mặc dù chi phí nhân viên tiếp tục chiếm phần lớn của chi phí, tỷ trọng của khoản chi này trong tổng chi phí đã giảm trong những năm gần đây (40% trở xuống) so với giai đoạn 2014-2016 (60% trở lên) (Hình 11).

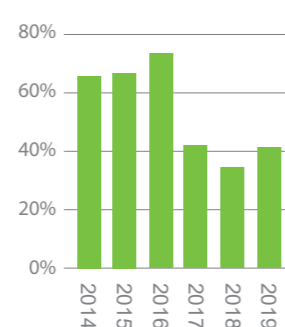
Hình 8: Chi phí



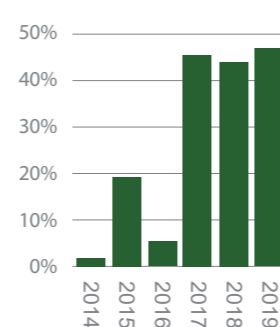
Hình 9: Thu nhập



Hình 10: % của thu nhập trong tổng chi phí



Hình 11: % của chi phí nhân viên trong tổng chi phí



Bên cạnh ngân sách chính phủ, VQG CT đã được hưởng lợi từ các dự án tài trợ bên ngoài trong 12 năm qua, bao gồm:

- Dự án thí điểm Phát triển Du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2009-2011, với nguồn vốn tài trợ 324.085 USD từ Cơ quan Phát triển quốc tế Đan Mạch (DANIDA);
- Chương trình hỗ trợ Trung tâm Cứu hộ gấu giai đoạn 2010-2018, với nguồn tài trợ 1.579.591 USD từ Tổ chức Free The Bears;
- Chương trình hỗ trợ cứu hộ linh trưởng giai đoạn 2008-2022 của Tổ chức Monkey World (Anh);
- Chương trình Nghiên cứu đặc điểm sinh học và khả năng sinh sản để nuôi và phát triển chim công giai đoạn 2016-2018, với nguồn vốn tài trợ 758.170.000 đồng từ Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai và 384.020.000 đồng từ VQG CT;
- Dự án Nâng cao hiệu quả chi trả dịch vụ môi trường rừng và cải thiện sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đệm, góp phần bảo vệ và phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học của VQG Cát Tiên giai đoạn 2019-2021, với nguồn vốn tài trợ 1.160.100.000 đồng từ GEF, 1.397.050.000 đồng từ UBND huyện, UBND xã và cộng đồng địa phương;
- Dự án Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học của hệ sinh thái Cát Tiên giai đoạn 2021-2025, với nguồn vốn tài trợ 1.132.000 USD từ Tổ chức Hợp tác rừng châu Á (AFoCO) và 100.000 USD từ Chính phủ Việt Nam;
- Dự án Cải thiện sự tham gia của cộng đồng trong bảo tồn và sử dụng bền vững hệ sinh thái đất ngập nước Ramsar - Bàu Sấu lồng ghép với thực hành nông nghiệp thân thiện với môi trường tại các xã vùng đệm năm 2020, với nguồn vốn tài trợ 10.000 USD từ Trung tâm nghiên cứu Ramsar Đông Á, 3.956 USD từ VQG CT và 652 USD từ các xã Cát Tiên, Đắc Lúa và Tà Lài.

Nguồn vốn này không đủ để đáp ứng nhu cầu mà chỉ đủ chi cho các hoạt động tối thiểu về quản lý và bảo tồn. Thiếu hụt nguồn vốn lớn nhất là về nghiên cứu, cứu hộ và bảo tồn loài và du lịch sinh thái. Mặc dù Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế vẫn thực hiện một số hoạt động nghiên cứu và thu thập dữ liệu, nhưng họ không nhận được nguồn tài trợ nào. Vườn không có đủ ngân sách để xây dựng cơ sở hạ tầng trọng điểm phục vụ du lịch (như đường xá, phòng ở và các tiện nghi khác) hay để đào tạo nhân viên về các kỹ năng liên quan tới du lịch.

Phạm vi và sự đa dạng của nguồn tài trợ được cho là vẫn ổn định, chủ yếu là do hiện nay có rất ít dự án quốc tế. Mặc dù có rất ít hoặc không có thay đổi về phạm vi (sự đa dạng) của nguồn tài trợ mà Vườn nhận được trong 5 năm qua hoặc về mức độ đầy đủ của nguồn tài trợ để đáp ứng các nhu cầu quản lý và bảo tồn nhưng đã có một số cải thiện về số tiền tài trợ nhận được. Các lãnh đạo Vườn cũng bày tỏ hy vọng và mong muốn rằng tất cả các khía cạnh này sẽ được cải thiện trong ngắn hạn, mặc dù vẫn chưa chắc chắn liệu nguồn vốn có thể được cung cấp đầy đủ theo hệ thống tài trợ cho KBT hiện tại hay không. Khả năng là sẽ vẫn chỉ đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động quản lý bảo vệ rừng cơ bản, như đường mòn tuần tra và canh gác từ các trạm kiểm lâm.

Năm 2019, tổng chi tiêu của VQG CT lên tới 69,65 tỷ đồng. Trong 5 năm qua, các lãnh đạo Vườn nhận thấy rằng chi phí đã tăng lên một chút, đặc biệt cho cơ sở hạ tầng, nhân viên, bảo vệ/thực thi pháp luật, du lịch, phòng chống cháy rừng, quản lý và phục hồi rừng, và PFES. Chi tiêu cho nghiên cứu khoa học, các hoạt động với các cộng đồng ở khu vực vùng đệm và nâng cao nhận thức và giáo dục vẫn giữ nguyên. Trong ngắn hạn, dự kiến rằng hầu hết các hạng mục chi tiêu sẽ tăng đáng kể.

Năm 2019, thu nhập của VQG CT đạt trên 32,73 tỷ đồng, trong đó 2 tỷ đồng từ du lịch và trên 30 tỷ đồng từ các nguồn khác. Các lãnh đạo Vườn cho biết rằng doanh thu trong 5 năm qua có tăng lên một chút, đặc biệt từ du lịch (họ đưa ra con số 10-15% một năm – chủ yếu là do sự gia tăng số lượng du khách đến thăm quan VQG CT). Thu nhập từ PFES cũng được cho là có tăng lên, do sản lượng của nhà máy điện (và do đó tiền thanh toán) đã tăng lên. Dự kiến thu nhập từ du lịch, PFES và - có thể là - các nguồn mới sẽ tăng đáng kể trong tương lai.

<sup>9</sup> Để điều chỉnh lạm phát và so sánh dữ liệu theo thời gian, tất cả các số liệu được tính theo giá trị quy đổi theo năm 2019 với đơn vị tính là đồng. Điều này đã được thực hiện bằng cách áp dụng chỉ số giảm phát dựa trên chỉ số giá tiêu dùng trung bình cho mỗi năm.

## Những hạn chế và điều kiện thuận lợi cho tài chính bền vững

Hạn chế tài chính lớn nhất tại VQG CT là rào cản pháp lý đối với việc thu hút các nhà đầu tư. Vào thời điểm hiện tại, chỉ các nhà tài trợ bên ngoài và những người ủng hộ mới có thể hỗ trợ nguồn vốn một cách tự do, nhưng các dòng tài trợ này đang giảm đi. Một hạn chế lớn khác là cơ sở hạ tầng của Vườn đang trong tình trạng xuống cấp, bao gồm nhà vệ phòng, phòng ở cho khách du lịch, nhà hàng và xe cộ. Vườn cũng có nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng mới, như cầu nối từ trung tâm du khách tới bến phà. Nhóm thách thức thứ ba liên quan đến năng lực hạn chế của nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch. Cán bộ vườn không được đào tạo và không có kinh nghiệm để điều hành trung tâm du khách, quản lý trang web và thực hiện các chức năng chính khác nhằm thúc đẩy và cải thiện du lịch ở VQG CT.

Bên cạnh đó, có rất ít nguồn vốn dành cho các chương trình và trung tâm cứu hộ loài. Nguồn vốn dành cho giám sát đa dạng sinh học cũng rất nhỏ. Điều này một phần là do Bộ Tài nguyên và Môi trường là bộ chịu trách nhiệm về giám sát đa dạng sinh học, nhưng lại không phải cho các VQG. Do đó các VQG không được cấp đủ vốn ngân sách cho giám sát.

Sự đa dạng của các nguồn tài trợ được cho là khá tốt và không gây trở ngại lớn cho việc quản lý Vườn. Ngân sách nhà nước chi trả lương cho ban quản lý, trong khi nguồn thu từ du lịch dùng để trả lương cho các nhân viên dịch vụ du lịch. Ngân sách cũng ổn định và do đó các lãnh đạo Vườn không cảm thấy rằng họ có rủi ro về tài chính. Vườn có thể lập kế hoạch trước về tiền lương và các hoạt động, không chỉ thông qua kế hoạch hoạt động hàng năm mà còn thông qua kế hoạch 5 năm.

Chi phí lương và chi phí hoạt động được tính toán theo công thức cố định. Chúng dựa trên các định mức chi phí được áp dụng tùy thuộc vào số lượng cán bộ nhân viên của Vườn và các hoạt động đề xuất trong kế hoạch hoạt động hàng năm. Các định mức chi phí và hạng mục chi tiêu trong kế hoạch ngân sách là thực tế và phản ánh đúng các chi phí thực tế của việc thực hiện các hoạt động. Chúng cho phép lập ngân sách một cách chính xác và bao gồm tất cả các khoản mục và nguồn vốn cần thiết để thực hiện kế hoạch hoạt động.

Tuy nhiên, vấn đề là ngân sách không đủ đáp ứng nhu cầu. Ngân sách nhà nước không đủ để chi cho tất cả các hoạt động bảo tồn cần thiết. Một thách thức khác nữa là lương cho cán bộ kiểm lâm rất thấp. Hầu hết người dân địa phương không bị hấp dẫn bởi những công việc này vì mức lương thấp – họ có thể có thu nhập tốt hơn khi làm những công việc khác. Do đó, hầu hết lực lượng kiểm lâm là người di cư từ miền Bắc vào.

Vườn không có chuyên môn hoặc không được đào tạo về lập kế hoạch và cơ chế tài chính bền vững.

Việc lập kế hoạch tài chính và phân bổ kinh phí không phù hợp lắm với các nhu cầu và ưu tiên bảo tồn của Vườn. Có rất ít nỗ lực trong việc đưa các ưu tiên bảo tồn vào trong lập kế hoạch ngân sách. Bảo tồn đa dạng sinh học cũng không được lồng ghép tốt vào ngân sách của các cơ quan khác và chính quyền địa phương ở gần VQG hoặc có tác động tới Vườn. Các chính quyền địa phương và các cơ quan chủ quản không có trách nhiệm về bảo tồn đa dạng sinh học cũng như tài trợ cho VQG. VQG CT được quản lý bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) và do đó Bộ NN&PTNT chịu trách nhiệm cấp ngân sách cho Vườn. Chính quyền địa phương chỉ đóng góp một lượng rất nhỏ cho công tác bảo vệ rừng (15-18 triệu đồng/năm). Do ngân sách của Bộ NN&PTNT chỉ dành cho các hoạt động trong VQG và các cơ quan khác và chính quyền địa phương không chịu trách nhiệm về bảo tồn nên không có nguồn tài trợ hoặc ưu đãi nào khác để hỗ trợ cho công tác bảo tồn từ các bên liên quan có sử dụng và có tác động tới đa dạng sinh học của VQG CT.

VQG CT có thể giữ lại một phần doanh thu mà họ có được, sau khi trừ đi các khoản phải trả (ví dụ từ du lịch). Tuy nhiên, phần doanh thu đó không đủ bù cho khoản thiếu hụt hoặc chênh lệch kinh phí giữa khoản ngân sách nhà nước cấp và khoản cần chi cho các hoạt động quản lý.

## Các cơ hội tài chính quan trọng

Du lịch được nhấn mạnh là cơ hội chính để tạo ra doanh thu và để tăng kinh phí cho bảo tồn. Nó phải đối mặt với cả những hạn chế và cơ hội. Mặc dù có cơ sở hạ tầng du lịch cơ bản (phòng nghỉ, nhà hàng, trung tâm du khách, tuyến du lịch, v.v..) nhưng các cơ sở này đã cũ và xuống cấp. Phòng nghỉ không thể so sánh được với các cơ sở tư nhân. Hiện tại, Vườn không có đủ ngân sách để cải thiện cơ sở vật chất phục vụ du lịch hoặc duy trì nó một cách phù hợp. Doanh thu từ du lịch chỉ đủ cho những sửa chữa nhỏ.

Ban Quản lý VQG muốn kêu gọi đầu tư tư nhân vào các cơ sở du lịch trong Vườn, nhưng không thực hiện được. Vườn không được phép cho thuê tài sản nhà nước và không có hướng dẫn hay quy định nào về cách xây dựng quan hệ đối tác công tư hoặc chia sẻ nguồn thu giữa khu vực công và khu vực tư nhân. Mặc dù VQG CT không được phép cho thuê đất nhưng vẫn có vài quán cà phê ven sông gần bến tàu, trên đất của Vườn.

Các lợi thế tài chính, cơ hội hoặc lĩnh vực tiềm năng lớn nhất đối với VQG CT là Vườn ở gần thành phố Hồ Chí Minh nên có rất nhiều khách đến lưu trú, nhất là vào cuối tuần và các ngày lễ. Nơi đây có cảnh quan hấp dẫn, đa dạng sinh học phong phú chỉ có ở Việt Nam. Mặc dù hiện tại nó đang ở trong tình trạng có một số hư hỏng, nhưng VQG CT có một cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất dành cho du khách cơ bản khá tốt.

Bện cạnh du lịch, nguồn tài trợ carbon liên quan đến Ngân hàng Thế giới được coi là một nguồn tài chính mới tiềm năng cho VQG CT.

## Tài trợ cho đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên vùng đệm

Không có xã nào được phỏng vấn đã thực hiện hoặc tham gia vào bất kỳ dự án đa dạng sinh học hoặc bảo tồn thiên nhiên nào – hoặc là dự án do VQG CT thực hiện, hoặc các dự án được tài trợ bởi chính phủ, các NGO, các tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân... Các xã cũng không nhận được bất kỳ khoản tài trợ hoặc hỗ trợ hiện vật nào từ VQG.

Mỗi xã phân bổ một khoản ngân sách nhỏ cho các hoạt động bảo vệ rừng do Ban Lâm nghiệp xã thực hiện. Ví dụ, năm 2019, 18 triệu đồng đã được phân bổ tại hai xã Phước Cát 2 và Tà Lài (tương ứng là 0,21% và 0,13% trong tổng ngân sách hàng năm của xã cho năm đó) và 15 triệu đồng đã được phân bổ tại xã Đắc Lua (0,12%). Khoản ngân sách này được chi cho các hoạt động như tuyên truyền, tuần tra bảo vệ rừng, tham mưu cho Ủy ban Nhân dân xã về thực hiện điều tra rừng, phòng chống cháy rừng, ngăn chặn vi phạm về lâm nghiệp, v.v... Đây là một khoản kinh phí rất nhỏ và không đủ để hỗ trợ cho tất cả các hoạt động và các yêu cầu về tài chính của Ban Lâm nghiệp.

Ngoại trừ khoản chi này cho các Ban Lâm nghiệp, không có khoản ngân sách xã nào dành riêng cho các hoạt động đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên. Một xã, là xã Đắc Lua, cho biết rằng họ mong muốn nhận được nguồn tài trợ cho các hoạt động bảo tồn, bao gồm xăng cho xe máy tuần tra, và các hoạt động nâng cao nhận thức tại các cộng đồng sinh sống gần rừng.

Lí do các xã không nhận được và không chi kinh phí/ngân sách cho bảo tồn và bảo vệ thiên nhiên là do Ủy ban Nhân dân xã không có nhiệm vụ phải thực hiện các hoạt động này. Đó không phải là nghĩa vụ của họ.

Nhìn chung, có rất ít sự tương tác giữa các xã với VQG CT và cũng có rất ít lợi ích kinh tế trực tiếp cho các cộng đồng và kinh tế địa phương từ VQG. Có rất nhiều lí do cho điều này (bên cạnh thực tế là các xã không được coi là có trách nhiệm đối với đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên). Một trong những lí do là vùng đệm có diện tích rất lớn và phần lớn người dân làm nông nghiệp, kinh doanh và các hoạt động khác. Nhiều xã nằm cách Vườn khá xa – ví dụ, xã Phước Cát 2 cách VQG CT rất xa, do đó đóng góp của du lịch vào kinh tế địa phương là không đáng kể. Tuy nhiên, tại xã Tà Lài, có một nhóm du lịch cộng đồng với 12 thành viên. Nhóm này điều hành nhà truyền thống Ka Hoài và bán đồ ăn, đồ lưu niệm, cho thuê xe đạp và hướng dẫn viên. Khoảng 250 hộ gia đình ở xã Phước Cát 2 (trong tổng số 646 hộ của xã), 5 hộ tại Tà Lài (trong tổng số 2005 hộ) và 48 hộ tại Đắc Lua (trong tổng số 1630 hộ) tham gia vào các hoạt động PFES.

Nói chung, VQG CT cũng không được cho là gây ra các chi phí, tổn thất hoặc bất lợi kinh tế trực tiếp nào cho cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, người ta thừa nhận rằng các hạn chế về sử dụng đất và tài nguyên liên quan đến việc công bố khu vực này là vườn quốc gia làm phát sinh một số chi phí cơ hội. Chính quyền các xã Phước Cát 2 and Tà Lài cho biết rằng hầu hết người dân địa phương không thu hái lâm sản hay thực hiện các hoạt động khác trong VQG CT bởi vì nếu vi phạm luật họ sẽ bị phạt và/hoặc đi tù. Tại xã Đắc Lua, được biết rằng, từ khi Vườn được thành lập, người dân không thể vào rừng để lấy gỗ, củi và các lâm sản ngoài gỗ như thảo dược, măng, mật ong... Điều này có nghĩa là thu nhập của người dân địa phương giảm đi và bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Cũng có kỳ vọng rằng nếu du lịch ở VQG CT tăng hoặc phát triển, có thể có cơ hội để địa phương tham gia nhiều hơn và có thêm thu nhập. Điều này sẽ bao gồm cả việc làm trực tiếp và cơ hội kinh doanh (nhà hàng, nhà nghỉ, hướng dẫn, bán đồ lưu niệm...) các ngành gián tiếp hoặc thứ cấp/bổ trợ (vận chuyển, bán nông sản và các dịch vụ khác...). Ví dụ, xã Đắc Lua nhìn thấy tiềm năng phát triển du lịch tự nhiên của địa phương do có hệ thống sông suối rất đẹp. Xã muốn xây dựng các homestay, các tour tham quan và các hoạt động khác và khuyến khích người dân địa phương tham gia. Tuy nhiên, trở ngại chính là thiếu nguồn tài trợ và vốn đầu tư – đặc biệt cho các hạng mục lớn và tốn kém như xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch. Xã không thể huy động nguồn vốn này và sẽ cần sự giúp đỡ của VQG CT.

## Kết luận về xây dựng chiến lược tài chính bền vững

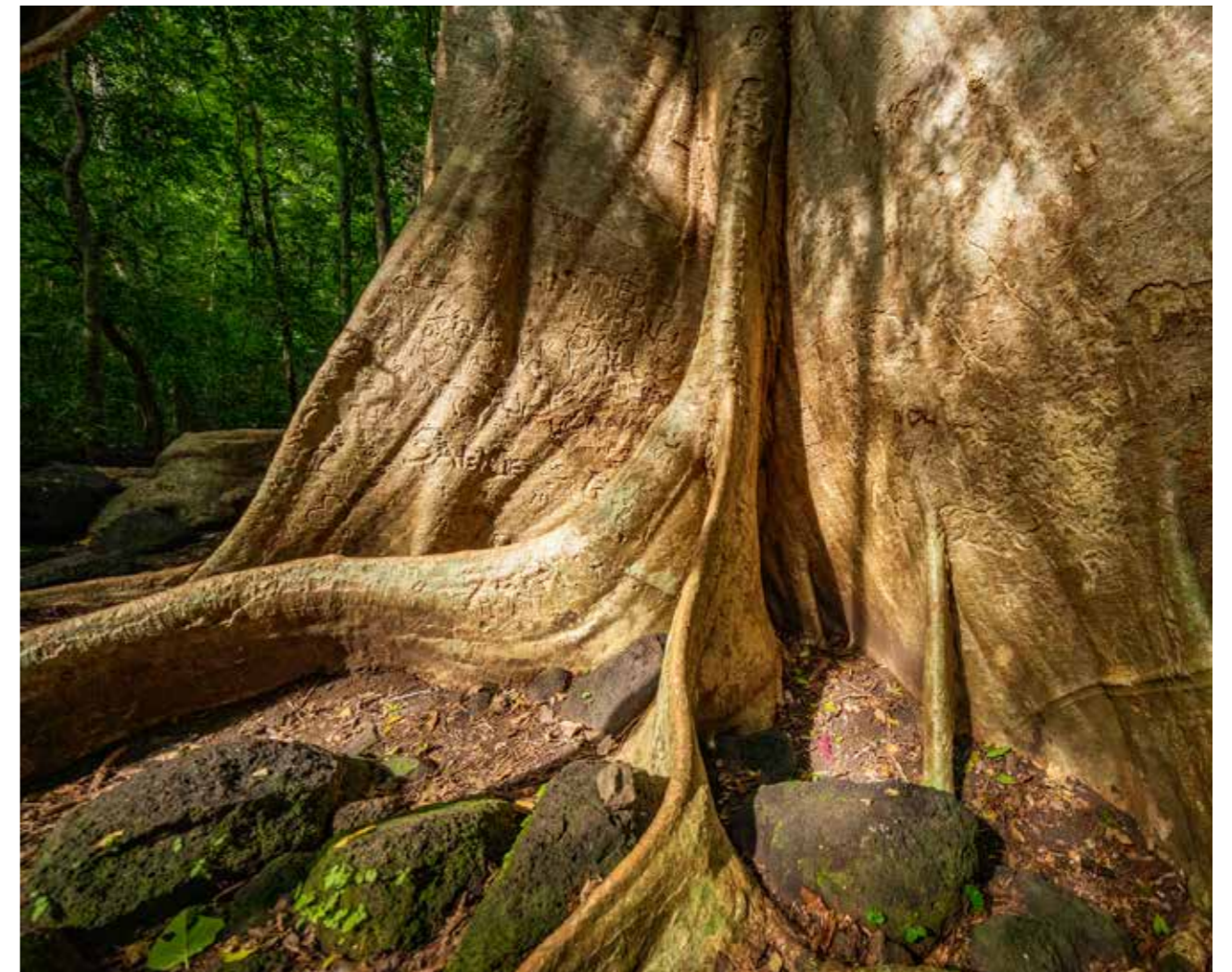
Chiến lược tài chính bền vững của VQG CT sẽ bao gồm tám phần chính (Hình 5). Cấu trúc chung này sẽ tiếp tục được hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo của quá trình xây dựng chiến lược tài chính bền vững: lập kế hoạch chiến lược về bền vững tài chính. Trong tiến trình lập kế hoạch chiến lược, những phát hiện của các đánh giá sẽ được thảo luận và kiểm tra và các cơ chế cụ thể để tăng cường tính bền vững tài chính của VQG và huy động tài trợ sẽ được xác định. Nội dung và cấu trúc cụ thể của chiến lược cũng sẽ được thống nhất và hoàn thiện. Nội dung sẽ được thiết kế hướng tới các vấn đề chính nảy sinh trong quá trình đánh giá tài chính, như tóm tắt dưới đây.

**Bảng 4: Đề cương chiến lược tài chính bền vững của VQG Cát Tiên**

Chương	Nội dung
1	Bối cảnh và tình hình quản lý
2	Tình hình tài chính, những hạn chế và cơ hội
3	Chi phí quản lý và các yêu cầu tài chính
4	Thiếu hụt nguồn vốn và nhu cầu tài chính chưa được đáp ứng
5	Chiến lược tăng cường tính bền vững tài chính
6	Cơ chế tài chính, nguồn tài trợ và các điều kiện thuận lợi
7	Kế hoạch tài trợ và huy động nguồn lực
8	Cơ sở để xây dựng kế hoạch quản lý bền vững KBT

- Rõ ràng rằng, ở VQG CT, thiếu kinh phí vẫn là hạn chế lớn đối với việc quản lý hiệu quả VQG. Nhu cầu cấp bách là xác định các cơ chế có thể tạo thêm kinh phí cho các hoạt động bảo tồn ưu tiên, đồng thời đa dạng hóa danh mục tài chính tổng thể của VQG.
- VQG CT đã có khả năng giữ lại và tái đầu tư các khoản doanh thu tự tạo ra (ví dụ, sử dụng doanh thu từ du lịch để trả lương cho nhân viên). Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng nguồn thu nhập và tài trợ mới cũng có thể được nắm giữ và sử dụng bởi Ban Quản lý Vườn và được tái đầu tư trực tiếp vào các hoạt động và cơ sở hạ tầng tại chỗ. Cứu hộ loài, nghiên cứu và giám sát và du lịch đã được xác định là các lĩnh vực ưu tiên đang bị thiếu hụt nguồn vốn.
- Một nhu cầu khác đã được nhận thức rõ là xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ Vườn về lập kế hoạch và các cơ chế tài chính, cũng như các kỹ năng chính cần thiết để xây dựng và áp dụng các cách tiếp cận kinh doanh và quản lý các hoạt động thương mại (như du lịch).

- Các điều kiện về lập kế hoạch tài chính, điều hành và quản lý ở quy mô rộng hơn nhìn chung được cho là tốt và không gây trở ngại cho việc quản lý hiệu quả VQG. Tuy nhiên, cần phải tổ chức hợp lý tiến trình lập ngân sách để lồng ghép tốt hơn và hài hòa với các ưu tiên bảo tồn. Bên cạnh đó, điều quan trọng là đảm bảo rằng ngân sách và chi tiêu hỗ trợ cho các mối quan tâm về tính bền vững tài chính. Một vấn đề quan trọng là đảm bảo rằng ngay từ đầu cần có đủ đầu tư (tái đầu tư) vào cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất cơ bản là phương tiện tạo ra doanh thu. Điều này đặc biệt quan trọng trong trường hợp của du lịch – nhằm chuyển trực tiếp bất kỳ nguồn thu nhập và kinh phí mới nào vào việc duy trì và cải thiện cơ sở vật chất dành cho du khách, duy trì chất lượng, độ tin cậy và tính đúng đắn của việc cung cấp và trải nghiệm du lịch dựa vào thiên nhiên, đồng thời đào tạo và giữ chân đội ngũ nhân viên có năng lực.
- Mặc dù nguồn vốn của VQG là tương đối ổn định và kết hợp được nhiều nguồn khác nhau (ngân sách nhà nước, doanh thu giữ lại, các dự án tài trợ và hỗ trợ bên ngoài), điều quan trọng là phải duy trì danh mục đầu tư đa dạng này. Các cơ chế tài trợ bổ sung mới nên dựa trên nhiều nguồn và dòng thu nhập khác nhau.
- Gần đây, đã có dấu hiệu của sự suy giảm nguồn vốn của các nhà tài trợ. Điều quan trọng là phải thu hút được các dự án bên ngoài trở lại Vườn và đồng thời tìm kiếm các nguồn tài trợ phi truyền thống trong nước và quốc tế. Các ví dụ bao gồm tài chính carbon rừng, bồi hoàn đa dạng sinh học và các hình thức chi trả các dịch vụ hệ sinh thái khác.
- Các công cụ dựa vào thị trường và các khoản đầu tư từ khu vực tư nhân cũng được coi là có tiềm năng lớn trở thành các nguồn tài trợ cho VQG CT, đặc biệt là liên quan đến du lịch. Cần phải khắc phục tình trạng thiếu kinh nghiệm hiện tại và tiền lệ trong việc phát triển quan hệ đối tác công tư để đầu tư và vận hành cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất của VQG, có thể qua việc sử dụng VQG CT như là mô hình thí điểm các phương án, cách tiếp cận và hướng dẫn này.
- Bên cạnh việc huy động nguồn tài trợ mới cho VQG CT, và để tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng du lịch của Vườn, năng lực cán bộ và cung cấp dịch vụ tổng thể, các kế hoạch tài trợ mới (như liên doanh và hợp tác công-tư) tạo ra các cơ hội để lồng ghép tốt hơn các khoản đầu tư của Vườn vào chi tiêu ngành, đồng thời lôi kéo sự tham gia và đem lại lợi ích cho các cộng đồng địa phương.



## Tài liệu tham khảo

Dinh Thanh Sang, Kimihiko, H. and O. Kazuo. 2012. Livelihoods and Local Ecological Knowledge in Cát Tiên Biosphere Reserve, Vietnam: Opportunities and Challenges for Biodiversity Conservation. In Ishwaran, N. (ed) The Biosphere. InTech, Rijeka.

Emerton, L., Ha Tran Thi Thu, Hoang Thach Mai, Viet Anh Hoang and E. Ebert (2014) The economic value of Cát Tiên National Park. Report to GIZ/MARD project "Preservation of Biodiversity in Forest Ecosystems in Vietnam", Viet Nam.

UNESCO. 2013. UNESCO MAB Biosphere Reserves Directory: Biosphere Reserve Information Viet Nam Cát Tiên. <http://www.unesco.org/mabdb/br/brdir/directory/biores.asp?mode=all&code=VIE+02> Accessed 1 December 2013



**HỒ SƠ KHU VỰC**  
**Vườn quốc gia Cát Tiên**  
Quản lý, quản trị và tài chính

**Chương trình bảo tồn,  
sử dụng bền vững đa dạng sinh học rừng và  
các dịch vụ hệ sinh thái ở Việt Nam**

Phòng 021, tầng 2 Tòa nhà Coco 14 Thụy Khuê,  
Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 39 32 95 72  
Email: [office.biodiversity@giz.de](mailto:office.biodiversity@giz.de)  
[www.giz.de/viet-nam](http://www.giz.de/viet-nam)

